

Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự Soái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Trung và bà Trần Thị Lê Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mạc Văn Hình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh N; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Lê M**, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 3 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Trần Thị L (nguyên đơn) trình bày::*

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lê M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh N.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông M không có trách nhiệm với gia đình, nghiện chơi game, không lo làm ăn, khi bà L góp ý xây dựng ông M không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông M bỏ đi và vợ chồng ly thân không còn chung sống nhau từ tháng 02 năm 2019 đến nay.

Bà L thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm cũng không còn nữa, vì vậy làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê M.

2. Về con chung: Bà L khai vợ chồng có hai con chung là Lê Trần A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Lê Trần T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2019 (hiện đang ở với bà L tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh N).

Bà L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung A và T; yêu cầu ông M đóng góp nuôi dưỡng con chung mỗi cháu một tháng sống tiền là 1.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại hồ sơ vụ án thể hiện:* Ông Lê M có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng hiện nay ông M không có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhiều lần làm việc và tổng đạt giấy triệu tập của ông Lê M cho người thân thích gia đình ông Lê M để giao cho ông M. Bà Phan Thị K là mẹ ruột ông M xác định có liên lạc với ông M về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông M có nói là không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông Lê M theo quy định pháp luật gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc công khai chứng cứ; Thông báo về các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

\* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Trần Thị L đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Lê M, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông M vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông M.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Lê Trần A và Lê Trần T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Buộc ông M đóng góp nuôi hai con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng theo yêu cầu của bà L.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L là nguyên đơn trong vụ án hiện làm ăn sinh sống tại tỉnh N, do công việc nghề nghiệp giáo viên bận việc dạy học nên không thể trực tiếp đến Tòa án tham gia giải quyết, xét xử vụ án ly hôn theo yêu cầu của Tòa án, bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Lê M là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông M cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M là đúng với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Lê M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2017. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không có trách nhiệm với gia đình, nghiện chơi game, không lo làm

ăn, khi bà L góp ý dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và ông M đã bỏ đi. Thực tế giữa bà L và ông M ly thân không còn chung sống với nhau đã hơn 03 năm nay, không còn quan tâm vợ chồng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông M bỏ đi, bà L trực tiếp nuôi dưỡng hai con Lê Trần A và Lê Trần T, ly hôn bà L có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, bà L nghề nghiệp giáo viên và thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, các cháu A và T còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu A và T do bà L trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông M bỏ đi không quan tâm gì đến con cái. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông M đóng góp nuôi con chung mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, việc nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L, buộc ông M phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi hai con chung Lê Trần A và Lê Trần T mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu A và T đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L và ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê M.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Trần A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Lê Trần T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2019 cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu A và T đủ 18 tuổi (hiện các cháu A và T đang ở với bà L tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh N).

Ông Lê M có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con Lê Trần A và Lê Trần T mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng y*) cho đến khi các cháu A và T đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Lê M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hằng tháng ông M còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều*

468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm”.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu 0003699 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà L đã nộp đủ.

Ông Lê M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về quyền kháng cáo:** Bà Trần Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Tụ Soái**





